

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 15 tháng 01 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 21/2019/TLST-DS ngày 23 tháng 9 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1.1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V;

Địa chỉ: Số 89, L, phường L, quận Đ, Thành phố H.

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm TA – Phó giám đốc Trung tâm pháp luật Ngân hàng, SME và cá nhân Ngân hàng TMCP V. (Văn bản ủy quyền số 11/2018/UQ-HĐQT ngày 02/3/2018 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP V).

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Cao Duy T – Trưởng bộ phận xử lý nợ khách hàng cá nhân - V AMC và ông Phạm Minh Đ – Cán bộ xử lý

nợ - V AMC; Địa chỉ: Tầng 2B, tòa nhà R6, R, 72 Ng, Th, H. (Theo Văn bản ủy quyền số 1998/2019/UQ-VPB ngày 20/6/2019).

1.2. Bị đơn: Bà Phạm Thị N, sinh năm 1962;

Nơi cư trú: thôn G, xã Đ, thành phố T, tỉnh T.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Bà Phạm Thị N xác nhận dư nợ tại Ngân hàng TMCP V, số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 15/01/2020 là 337.166.322 đồng (Ba trăm ba mươi bảy triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn ba trăm hai mươi hai đồng). Cụ thể: nợ gốc: 189.552.213 đồng; nợ lãi: 147.614.109 đồng. Đồng thời, đồng ý trả nợ Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số 481209 ngày 08/10/2015 và Hợp đồng tín dụng số 3451665 ngày 14/05/2015. Kể từ ngày 16/01/2020 đến ngày 16/4/2020 bà Phạm Thị N phải trả toàn bộ số nợ gốc và lãi trên cho Ngân hàng TMCP V.

Thời hạn thanh toán theo lộ trình:

- Chậm nhất đến ngày 16/02/2020 bà N phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền 100.000.000 đồng;

- Chậm nhất đến ngày 16/3/2020 bà N phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền 100.000.000 đồng;

- Chậm nhất đến ngày 16/4/2020 bà N phải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền gốc và lãi còn lại (tính đến ngày 16/4/2020).

Kể từ ngày 16/01/2020 bà Phạm Thị N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trong trường hợp bà Phạm Thị N vi phạm nghĩa vụ trả nợ ở bất kỳ lộ trình thanh toán nào theo thỏa thuận nêu trên, Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản thế chấp là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 199, tờ bản đồ số 12 (diện tích 92m²) có địa chỉ tại thôn G, xã Đ, thành phố T, tỉnh T, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BU 676144, vào sổ cấp GCN số: CH01801 do UBND thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình cấp ngày 12/08/2014 đứng tên bà Phạm Thị N để thu hồi khoản nợ cho Ngân hàng TMCP V (Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 928/2014 ngày 11/9/2014).

2.2. Về chi phí tố tụng:

Bà Phạm Thị N phải hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền 2.000.000 đồng.

2.3. Về án phí:

- Bà Phạm Thị N phải nộp 4.214.579 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- Ngân hàng TMCP V không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng TMCP V số tiền 9.300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0009536 ngày 23 tháng 9 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP. Thái Bình;
- Chi cục THADS TP. Thái Bình.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Hồng Sơn